

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Hoàng - Tác động của FDI đến xuất khẩu của các địa phương Việt Nam. Mã số: 175.1TrEM.11** 3
Effects of Foreign Direct Investment (FDI) on Export of Vietnamese Provinces
- 2. Vũ Thị Yên - Đánh giá tác động của hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) tới giá trị thương mại của Việt Nam với các nước đối tác thuộc RCEP. Mã số: 175. IIIEM.11** 16
The Impact of the Regional Comprehensive Economic Partnership Agreement (RCEP) on Vietnam's Trade Value With RCEP Partners
- 3. Ngô Thị Mỹ - Phân tích tình hình xuất khẩu nông sản Việt Nam sang Trung Quốc qua các chỉ số thương mại. Mã số: 175.1TrEM.11** 28
Analysis of the Situation of Vietnam's Agriculture Export to China Through Trade Indicators

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4. Võ Văn Dứt - Ảnh hưởng của các mối quan hệ quản lý đến kết quả xuất khẩu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa: vai trò điều tiết của quy mô và thời gian hoạt động. Mã số: 175.2BAdm.21** 36
The Moderating Effects of Firm Size And Age on Business Ties on SME Export Performance in Vietnam
- 5. Phạm Thủy Tú, Đào Lê Kiều Oanh và Dương Nguyễn Thanh Tâm - Tác động từ sự gia nhập của ngân hàng ngoại đến ổn định tài chính các ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập. Mã số: 175.2FiBa.21** 47
Impacts From Foreign Banking Penetration to Financial Stability of Vietnam Commercial Banks in the Context of Integrating

- 6. Lê Tiến Đạt và Nguyễn Hoàng Việt - Khác biệt giới tính và ảnh hưởng tới cách thức ra quyết định và quản lý trong doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Mã số: 175.2.BAdm.22** 59
Gender Difference and Its Impacts on Decision and Management Methods in Vietnamese SMEs
- 7. Nguyễn La Soa - Nghiên cứu mức độ sẵn sàng áp dụng kế toán quản trị chiến lược ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Mã số: 175. 2BAcc.21** 69
Study on the willingness to apply strategic management accounting in small and medium enterprises in Ha Noi
- 8. Lê Thùy Hương và Nguyễn Thu Hương - Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sản phẩm ống hút giấy thân thiện với môi trường của các nhà hàng và quán cà phê: một khảo sát ở thành phố Hà Nội. Mã số: 175.2BMkt.21** 80
The Factors Influencing the Intention to Purchase Environmentally Friendly Paper Straws in Restaurants and Cafes: A Survey in Hanoi City
- 9. Đinh Thị Phương Anh - Thực trạng hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam và những vấn đề đặt ra. Mã số: 175.2FiBa.22** 94
Performance Situation of Vietnamese Commercial Banks and Issues

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 10. Trịnh Thị Nhuận và Trần Văn Trang - Rào cản trong áp dụng đổi mới sáng tạo mở: nghiên cứu thực nghiệm tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Hà Nội. Mã số: 175.3BAdm.31** 103
Barriers in Open Innovation Adoption: Empirical Research in Small and Medium Enterprises in Hanoi

NGHIÊN CỨU MỨC ĐỘ SẴN SÀNG ÁP DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC Ở CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn La Soa

Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: Soanguyen310383@gmail.com

Ngày nhận: 23/11/2022

Ngày nhận lại: 13/01/2023

Ngày duyệt đăng: 08/02/2023

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xem xét tác động của các nhân tố bên trong doanh nghiệp đến mức độ sẵn sàng áp dụng kế toán quản trị chiến lược (SMA) ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) trên địa bàn thành phố Hà Nội. Dựa trên dữ liệu thu thập được từ phiếu trả lời của 159 nhà quản trị ở các doanh nghiệp, nhóm tác giả đã sử dụng các phương pháp phân tích gồm: Phân tích nhân tố khám phá (EFA), Phân tích yếu tố khẳng định (CFA) và Phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, mức độ sẵn sàng áp dụng kế toán quản trị chiến lược ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Hà Nội phụ thuộc vào: Mức độ ứng dụng công nghệ, chất lượng nhân lực kế toán, chiến lược kinh doanh và văn hóa công ty. Từ đó, nhóm nghiên cứu đã đưa ra các kiến nghị nhằm khuyến khích các SMEs nâng cao khả năng vận dụng SMA trong hoạt động của doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả và tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

Từ khóa: Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Nhân tố ảnh hưởng SMA, Kế toán quản trị chiến lược, SMA, SMA

JEL Classifications: L25, M41

1. Đặt vấn đề

Toàn cầu hóa, hội nhập, sự bùng nổ của khoa học công nghệ và trí tuệ nhân tạo không chỉ tạo ra những cơ hội phát triển mà đặt ra rất nhiều thách thức, khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam (SMEs), bởi chính đặc điểm về nguồn vốn, trình độ quản lý và khả năng tiếp cận vốn. Trước tình hình đó, SMEs muốn tồn tại và phát triển thì vấn đề tiên quyết là bản thân doanh nghiệp phải tích cực đổi mới, áp dụng các công cụ quản lý, kiểm soát mới, đem lại hiệu quả cao, trong đó kế toán quản trị chiến lược (SMA) được coi là một công cụ hữu hiệu cho công tác quản trị. Đây là công cụ quản lý chiến lược còn khá mới tại Việt Nam, tuy nhiên đã được áp dụng thành công ở các nước phát triển. Vận dụng SMA không chỉ nhanh chóng cung cấp cho lãnh đạo đầy đủ, toàn diện về các thông tin về nguồn lực bên trong và định hướng bên ngoài, ngoài ra nó còn góp phần tạo nên giá trị cho khách hàng và cổ đông cũng như nâng cao vị thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Nghiên cứu của (Tortora et al., 2021; Turner et al., 2017) đã khẳng định tầm quan trọng của việc áp

dụng kế toán quản trị chiến lược nhằm thỏa mãn nhu cầu thông tin cho nhà quản trị, giúp doanh nghiệp thực hiện thành công mục tiêu chiến lược kinh doanh. Nghiên cứu của (Ma et al., 2022) đã chỉ ra rằng kế toán quản trị chiến lược là công cụ chiến lược để hỗ trợ công tác quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động ở SMEs Trung Quốc. Nghiên cứu của (Alamri, 2018) đã chỉ ra những lợi thế cạnh tranh mà doanh nghiệp có thể có được, đặc biệt lợi thế về thu hút đầu tư, từ vận dụng SMA vào thực tiễn doanh nghiệp. Nghiên cứu của (Bromwich, 1990) đã nêu rõ vai trò của SMA trong việc cho phép các nhà lãnh đạo giám sát hiệu quả công việc, hợp tác với một số chức năng quản lý, kiểm soát và định hướng chiến lược. Lợi ích là vậy, nhưng các nhà quản trị SMEs Việt Nam vẫn đang e ngại rằng việc áp dụng SMA sẽ tốn kém cả về nguồn lực tài chính lẫn thời gian thực hiện. Vậy những nhân tố nào từ phía bản thân doanh nghiệp ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng áp dụng kế toán quản trị chiến lược ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Hà Nội. Trả lời được câu hỏi này sẽ tìm được nguyên nhân và từ đó đưa ra các giải pháp nhằm khuyến khích các nhà quản trị

doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn áp dụng kế toán quản trị chiến lược như là công cụ hữu hiệu trong quản lý. Chính vì lý do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khám phá và đo lường các nhân tố từ phía doanh nghiệp ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng áp dụng SMA, từ đó đưa ra một số kiến nghị và giải pháp nhằm khuyến khích và nâng cao hiệu quả vận dụng SMA vào thực tiễn ở SMEs trên địa bàn Hà Nội.

Phần còn lại của bài báo được cấu trúc như sau: Phần 2 thảo luận về các nghiên cứu liên quan và cơ sở lý thuyết. Phần 3 xây dựng giả thuyết nghiên cứu, phát triển mô hình và mô tả phương pháp nghiên cứu được sử dụng. Phần 4 báo cáo kết quả nghiên cứu và thảo luận. Phần 5 trình bày về kết luận và các khuyến nghị.

2. Tổng quan nghiên cứu và lý thuyết nền

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu về việc áp dụng SMA vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã được nhiều học giả quan tâm, các nghiên cứu điển hình có thể kể đến gồm: Nghiên cứu của (Ma et al., 2022) đã chỉ ra rằng, các nhà quản lý cấp cao của SMEs ở Trung Quốc chưa có hiểu biết về lợi ích và vai trò của SMA, do đó không quan tâm đúng mức cho việc vận dụng SMA vào thực tiễn doanh nghiệp. Nghiên cứu của (Mihaylova & Papazov, 2022) đã chỉ ra rằng, mức độ vận dụng SMA vào các doanh nghiệp sản xuất vừa và nhỏ ở Bulgarian phụ thuộc rất lớn vào nhận thức và trình độ của nhà quản trị doanh nghiệp. Nghiên cứu của (Cescon et al., 2019) tác giả đề xuất doanh nghiệp nên áp dụng SMA để phân tích lợi thế của các mức độ so sánh, từ đó có thể thấy được số lượng sản phẩm sản xuất ngày càng tăng so với các đối thủ cạnh tranh trong ngành. Nghiên cứu của (Aziz, 2012) đã chỉ ra rằng yếu tố Chiến lược kinh doanh và Công nghệ thông tin có mối quan hệ đáng kể với việc sử dụng SMA. Ngoài ra sử dụng SMA cũng có mối quan hệ đáng kể với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nghiên cứu của (Oyewo, 2022) đưa ra kết luận mức độ không chắc chắn về môi trường cảm nhận càng cao thì mức sử dụng SMA càng lớn, đồng thời cũng cho thấy SMA được ứng dụng nhiều hơn ở các công ty định hướng thị trường. Nghiên cứu của (Kalkhouran et al., 2017) đã chỉ ra rằng, việc sử dụng SMA tại các doanh nghiệp không phụ thuộc vào các loại chiến lược mà công ty áp dụng, vị trí địa lý của các doanh nghiệp có ảnh hưởng nhỏ đến việc áp dụng SMA, đồng thời khẳng định việc sử dụng SMA có liên quan tích cực với các yếu tố bên ngoài như môi trường không chắc chắn và các lực lượng cạnh tranh.

Khái niệm về mức độ sẵn sàng vận dụng, đã được các học giả về kế toán tiếp cận theo nhiều hướng khác nhau. Nghiên cứu của (Polangi & Santos Jr, 2013) cho rằng mức độ sẵn sàng áp dụng là mức độ quen thuộc với các yêu cầu hạch toán của kế toán hồi giáo, cũng như là khả năng nhận thức về tính hữu ích và rủi ro khi minh bạch thông tin kế toán. Nghiên cứu của (Guerreiro et al., 2008) đã định nghĩa mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS là khả năng áp dụng đầy đủ IFRS, sự quen thuộc được hiểu theo kiến thức và năng lực của đơn vị trong việc sử dụng IFRS. Nghiên cứu của (Kareem et al., 2022) cho rằng mức độ sẵn sàng về công nghệ được đo lường bằng xếp hạng mức độ sẵn sàng và các hoạt động thay đổi để phù hợp với công nghệ ảnh hưởng đáng kể đến mức độ sử dụng hệ thống thông tin kế toán. Như vậy, có nhiều cách khác nhau khi các học giả tiếp cận về mức độ sẵn sàng áp dụng phương pháp hay kỹ thuật mới trong kế toán, tuy nhiên nhìn chung thì các học giả đều cho rằng, mức độ sẵn sàng là khả năng áp dụng các phương pháp, kỹ thuật mới một cách phù hợp và hiệu quả vào từng loại hình doanh nghiệp cụ thể. Do đó, trong nghiên cứu này, mức độ sẵn sàng áp dụng được định nghĩa là sự chuẩn bị sẵn sàng và là sự chuẩn bị những hoạt động thay đổi từ phía các doanh nghiệp để áp dụng thành công SMA vào thực tiễn ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đây là điểm mới mà các nghiên cứu trước chưa giải quyết được.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về kế toán quản trị chiến lược có thể kể đến như: Nghiên cứu của (Anh, 2012) đã phân tích số liệu khảo sát của 220 doanh nghiệp vừa và nhỏ cho thấy nhân tố Cạnh tranh và Phân cấp quản lý có tác động tỉ lệ thuận với việc sử dụng kế toán quản trị chiến lược. Kết quả phân tích còn chỉ ra rằng việc vận dụng kế toán quản trị chiến lược có quan hệ tỉ lệ thuận với Thành quả hoạt động của doanh nghiệp. Nghiên cứu của (Vân & Lan, 2020) cho thấy kết quả Cơ cấu tổ chức, chiến lược kinh doanh và định hướng thị trường ảnh hưởng đến việc áp dụng các kỹ thuật kế toán quản trị chiến lược định hướng ra thị trường. Trong khi đó, các nhân tố đặc điểm doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức, định hướng thị trường, kỹ thuật công nghệ thông tin ảnh hưởng đến việc áp dụng các kỹ thuật kế toán quản trị chiến lược hướng tới chi phí và đánh giá hiệu quả hoạt động. Nghiên cứu của (Huyen, 2022) tập trung khảo sát các doanh nghiệp sản xuất và kết luận về các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng SMA tại các doanh nghiệp sản xuất bao gồm: Mức độ cạnh tranh; Kế toán tham gia vào việc ra quyết định chiến lược; Xây dựng chiến lược kinh doanh; Quy mô công ty;

Trình độ công nghệ. Mặc khác, nghiên cứu cũng chỉ ra sự phân cấp quản lý không ảnh hưởng đến áp dụng SMA tại doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam.

Từ phân tổng quan nghiên cứu có thể thấy rằng, nghiên cứu vận dụng kế toán quản trị chiến lược đang là vấn đề được các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm, tuy nhiên các nghiên cứu chủ yếu tập trung ở các nước phát triển và rất ít các nghiên cứu về mức độ sẵn sàng. Các nghiên cứu ở Việt Nam về vận dụng kế toán quản trị chiến lược cho từng loại hình doanh nghiệp cũng đã được thực hiện, nhưng phần lớn các nghiên cứu được thực hiện ở các doanh nghiệp lớn, mà chưa có nghiên cứu nào được thực hiện để đánh giá mức độ sẵn sàng vận dụng kế toán quản trị chiến lược ở doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nghiên cứu của (Soa et al., 2022) đã chỉ ra rằng, chỉ một số rất ít các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã và đang vận dụng SMA, vì vậy phần lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang trong giai đoạn tìm hiểu. SMEs với đặc thù khó khăn và hạn chế về nguồn vốn, về trình độ nguồn lực quản lý, vì vậy cần thiết phải có chính sách hỗ trợ, khuyến khích SMEs đẩy nhanh quá trình áp dụng để nâng cao hiệu quả quản lý, thu hút đầu tư.

2.2. Lý thuyết nền

Để xây dựng mô hình nghiên cứu về mức độ sẵn sàng áp dụng kế toán quản trị chiến lược vào thực tiễn các doanh nghiệp, nhóm nghiên cứu đã sử dụng các lý thuyết nền như sau:

- *Lý thuyết dự phòng*: Theo nghiên cứu của (Weill & Olson, 1989), lý thuyết dự phòng được sử dụng để nghiên cứu SMA trong mối quan hệ tương tác với môi trường hoạt động của doanh nghiệp. Theo lý thuyết này thì thành quả hoạt động của tổ chức phụ thuộc vào nền tảng của tổ chức đó. Nền tảng ở đây được hiểu là khả năng ứng phó với sự không chắc chắn của môi trường kinh doanh. Nghiên cứu của (Kareem et al., 2022) chỉ ra lý thuyết phù hợp giữa cơ cấu tổ chức và các biến theo ngữ cảnh được gọi chung là lý thuyết dự phòng. Lý thuyết dự phòng được vận dụng trong nghiên cứu này để giải thích sự tác động của hai nhân tố trình độ công nghệ và chiến lược kinh doanh đến mức độ sẵn sàng áp dụng kế toán quản trị chiến lược ở SMEs.

- *Lý thuyết đại diện*: Nghiên cứu của (Kreitz & Weihrach, 1985) về lý thuyết đại diện khẳng định rằng do không có thông tin đầy đủ và bất cân xứng thông tin giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền nên sẽ phát sinh xung đột về lợi ích. Vì vậy, để hạn chế xung đột thì cần có sự phân cấp quản lý, đảm bảo lợi ích cân bằng giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Lý thuyết đại diện được các nhà quản lý

sử dụng để xây dựng hệ thống kế toán quản trị chiến lược cho từng đơn vị, bộ phận phù hợp với cấu trúc tổ chức của doanh nghiệp. Để xây dựng hệ thống kế toán quản trị chiến lược phù hợp nhằm nâng cao kết quả hoạt động của từng bộ phận, đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư và các cổ đông thì cần thiết quan tâm đến tính cân đối của thông tin. Vì vậy, thông qua lý thuyết đại diện, nghiên cứu đã hình thành ý tưởng về tác động của nhân tố, sự phân cấp quản lý và mức độ tham gia của kế toán tham gia vào việc ra quyết định chiến lược đến mức độ sẵn sàng vận dụng SMA vào thực tiễn SMEs.

- *Lý thuyết thể chế*: (North, 1993) định nghĩa thể chế là những luật lệ, quy tắc của cuộc chơi trong xã hội. Nói chính xác hơn, đó là những ràng buộc do con người tạo ra để điều chỉnh và định hình các tương tác của mình. Lý thuyết thể chế nhấn mạnh đến vai trò của thể chế đối với hành vi của con người. Lý thuyết thể chế đã được chứng minh là công cụ giải thích mạnh mẽ và phổ biến để phân tích sự thay đổi và hành vi của tổ chức. Nghiên cứu của (Berthod, 2016) đã chỉ ra rằng, khung thể chế được xây dựng dựa trên thể chế trong phân tích về thiết kế và tổ chức. Khung thể chế đề cập đến quyền lực ở hai góc độ: quyền lực của nhân viên kế toán quản trị trong việc đề xuất và giới thiệu vận dụng các kỹ thuật mới của kế toán quản trị chiến lược, đồng thời trách nhiệm của nhân viên kế toán quản trị khi đề xuất cần phải căn cứ trên kế hoạch và mục tiêu phát triển chung của doanh nghiệp đã đặt ra. Mặt khác, theo lý thuyết thể chế thì sự giới thiệu vận dụng kỹ thuật mới nói chung và kỹ thuật của kế toán quản trị nói riêng sẽ gặp phải sự phản kháng của lực lượng chưa chấp nhận sự thay đổi dưới hình thức “quyền lực của hệ thống” để duy trì sự ổn định và không muốn đổi mới với những thách thức từ sự thay đổi. Vì vậy, khung thể chế được nghiên cứu sử dụng để giải thích sự tác động của nhân tố chất lượng nguồn nhân lực và văn hoá của công ty đến mức độ sẵn sàng vận dụng SMA ở SMEs.

3. Giả thuyết nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Giả thuyết nghiên cứu

Từ tổng quan các nghiên cứu liên quan và nghiên cứu về các lý thuyết nền, nhóm nghiên cứu đã dự kiến các nhân tố ảnh hưởng tới mức độ sẵn sàng vận dụng kế toán quản trị chiến lược vào thực tiễn ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Hà Nội. Mô hình được thiết lập dựa vào các nghiên cứu trước và phát triển để phù hợp với đặc điểm của đối tượng nghiên cứu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Hà Nội. Tiếp đó, nhóm nghiên cứu tham vấn ý

kiến chuyên gia và điều chỉnh 1 lần nữa để phù hợp nhất với điều kiện thực tế ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Hà Nội. Mô hình nghiên cứu bao gồm 5 nhân tố được xây dựng theo hình 1.



(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

Hình 1: Mô hình nghiên cứu

Thứ nhất, Phân cấp quản lý: Nghiên cứu của (Ma et al., 2022) đã chỉ ra rằng, các doanh nghiệp có cấu trúc phân cấp quản lý càng cao thì nhu cầu đòi hỏi việc vận hành một hệ thống quản trị chiến lược càng phức tạp. Tại Việt Nam, các nghiên cứu cũng đã chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa phân cấp quản lý và việc vận dụng kế toán quản trị chi phí vào doanh nghiệp (Anh, 2016). Việc phân cấp đòi hỏi nhà quản trị các cấp trong doanh nghiệp luôn phải chịu nhiều trách nhiệm hơn trong việc hoạch định, vận hành và kiểm soát các hoạt động liên quan của doanh nghiệp. Chính vì thế, các công cụ quản trị hiện đại nói chung, trong đó có các công cụ của kế toán quản trị chiến lược sẽ được các doanh nghiệp hướng tới vận dụng nhiều hơn. Như vậy, mức độ phân cấp quản lý trong doanh nghiệp tác động đến mức độ sẵn sàng để vận dụng các công cụ quản trị hiện đại của doanh nghiệp, nhằm giúp nhà quản trị các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do đó, giả thuyết thứ nhất được đưa ra là:

H1: *Mức độ phân cấp quản lý ảnh hưởng thuận chiều đến mức độ sẵn sàng vận dụng SMA.*

Thứ hai, Chất lượng nguồn nhân lực kế toán: Chất lượng nguồn nhân lực kế toán được coi là yếu tố then chốt để triển khai vận dụng các công cụ kế toán quản trị chiến lược. Chất lượng nguồn nhân lực kế toán sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả và mức độ thành công của việc vận dụng kế toán quản trị chiến lược vào doanh nghiệp, chính vì họ là những người trực tiếp tham gia, thực hành và cung cấp thông tin theo yêu cầu của nhà lãnh đạo. Nghiên cứu của (Tortora et al., 2021) đã khẳng định rằng chất lượng nguồn nhân lực kế toán càng cao thì mức độ sẵn sàng vận dụng SMA của doanh nghiệp càng cao và khả năng vận dụng thành công càng cao. Kết quả nghiên cứu của Đoàn Phi Ngọc Anh (2012) cũng cho thấy tác động tích cực của trình độ nhân lực kế

toán đến việc áp dụng kế toán quản trị chiến lược vào doanh nghiệp. Do đó, giả thuyết thứ 2 được đưa ra là:

H2: *Chất lượng nguồn nhân lực kế toán ảnh hưởng thuận chiều đến mức độ sẵn sàng vận dụng SMA.*

Thứ ba, Trình độ công nghệ: Trình độ công nghệ là yếu tố nội bộ quan trọng đối với mọi tổ chức trong việc cải tiến hiệu quả hoạt động. Ngày nay, trình độ công nghệ được coi là yếu tố cốt lõi để phát triển của hệ thống quản trị đơn vị nói chung và hệ thống kế toán nói riêng. Nghiên cứu của (Alamri, 2018) cho thấy trình độ công nghệ ảnh hưởng tích cực đến việc vận hành, áp dụng kế toán quản trị nói chung của doanh nghiệp. Nghiên cứu của Bùi Thị Trúc Quy (2020) cũng chỉ ra trình độ công nghệ có mối quan hệ mật thiết đến việc áp dụng kế toán quản trị tại các doanh nghiệp sản xuất, đó là một trong những yếu tố cốt lõi ảnh hưởng tới công tác tổ chức và mở rộng kỹ thuật của kế toán quản trị. Vì vậy, giả thuyết thứ 3 được nhóm tác giả đề xuất như sau:

H3: *Trình độ công nghệ ảnh hưởng thuận chiều đến mức độ sẵn sàng vận dụng SMA.*

Thứ tư, Chiến lược kinh doanh: Nghiên cứu của (Doktoralina & Apollo, 2019) cho rằng việc áp dụng kế toán quản trị chiến lược sẽ giúp doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh hợp lý hơn. Nghiên cứu của (Santini, 2013) cho rằng chiến lược khác biệt hóa ảnh hưởng tích cực đến việc sử dụng các kỹ thuật của kế toán quản trị chiến lược. Trong thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt như hiện nay, xây dựng một chiến lược kinh doanh phù hợp, thích ứng linh hoạt sẽ giúp doanh nghiệp có được lợi thế cạnh tranh rất lớn, đặc biệt là với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Vì vậy, các doanh nghiệp cần phải có thêm nhiều công cụ kế toán quản trị chiến lược để hỗ trợ cung cấp thông tin cho việc hoạch định chiến lược. Do đó, giả thuyết thứ 4 được đưa ra là:

H4: *Chiến lược kinh doanh ảnh hưởng thuận chiều đến mức độ sẵn sàng vận dụng SMA.*

Thứ năm, Văn hóa công ty: Một đơn vị mà nhân viên nhận được sự hỗ trợ từ lãnh đạo, các nhân viên có mối quan hệ khăng khít, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc, cùng phấn đấu vì mục tiêu chung của công ty thì mức độ thành công khi vận dụng các chiến lược mới nói chung và các công cụ của kế toán quản trị nói riêng sẽ dễ dàng đạt được sự thành công cao. Văn hóa công ty cũng tác động đến mức độ sẵn sàng thay đổi của nhà quản trị các cấp trong công ty. Nghiên cứu của (Huyen, 2022); (Lê, 2020) cũng đã chỉ ra ảnh hưởng của văn hóa công ty đến sự thành công của việc vận dụng kế toán quản trị chiến lược vào công ty. Do đó, giả thuyết thứ 5 được đưa ra là:

H5: Văn hóa công ty ảnh hưởng thuận chiều đến mức độ sẵn sàng vận dụng SMA.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, tác giả đã xây dựng thang đo các biến được thể hiện ở bảng 1. Sử dụng thang đo Likert 5 điểm (từ 1 điểm tương ứng với mức độ Rất thấp cho đến 5 điểm tương ứng với mức độ Rất tốt) để đo lường đánh giá các biến trong mô hình. Đối tượng khảo sát là các giám đốc tài chính, kế toán trưởng và kế toán tổng hợp tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa vận dụng các kỹ thuật của SMA để hỗ trợ cho công tác quản lý trên địa bàn Hà Nội, thời gian khảo sát từ tháng 1/2021 đến tháng 7/2021. Số phiếu khảo sát phát ra là 370 phiếu, thu về 226 phiếu, số phiếu hợp lệ được đưa vào nghiên cứu là 159 phiếu. Phiếu khảo sát sơ bộ được xây dựng và gửi đến đối tượng khảo sát thông qua ứng dụng Google biểu mẫu (truy cập tại: <https://docs.google.com>).

Áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, dữ liệu thu được từ khảo sát sẽ được xử lý bằng phần mềm SPSS 20 và AMOS 20. Trước hết, kiểm định thang đo về độ tin cậy, độ hội tụ và độ phân biệt thông qua hệ số Cronbach Alpha và phân tích yếu tố khám phá (EFA), sau đó tiến hành phân tích nhân tố khẳng định (CFA) để đánh giá thang đo. Cuối cùng, phương pháp mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) được sử dụng để kiểm định mô hình nghiên cứu và khẳng định sự ảnh hưởng của các nhân tố bên trong doanh nghiệp đến mức độ sẵn sàng vận dụng kế toán quản trị chiến lược.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đánh giá mức độ sẵn sàng vận dụng SMA ở SMEs trên địa bàn Hà Nội

Mẫu theo đối tượng khảo sát đến từ các nhà quản trị ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên toàn quốc. Kết quả thu được 159 phiếu trả lời hợp lệ và được phân loại theo 3 tiêu chí: Lĩnh vực hoạt động, đặc

điểm niềm yết và quy mô của doanh nghiệp. Kết quả thống kê được thể hiện ở hình 2 cho thấy: Nhìn chung các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Nội sẵn sàng để vận dụng SMA ở mức độ thấp. Mức trung bình giao động từ khoảng 1,15 đến 4,27 trên thang 5, cụ thể kết quả thống kê theo lĩnh vực hoạt động thì SMEs thuộc lĩnh vực Công nghiệp, xây dựng có mức độ sẵn sàng vận dụng các kỹ thuật của SMA cao nhất và SMEs thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có mức độ sẵn sàng thấp nhất. Kết quả thống kê theo quy mô thì các doanh nghiệp có quy mô vừa là nhóm sẵn sàng vận dụng SMA cao nhất trong SMEs và các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ thì chưa thực sự sẵn sàng để áp dụng IFRS. Kết quả thống kê theo đặc điểm niềm yết thì mức độ sẵn sàng vận dụng SMA giao động từ 2,17 đến 4,25 trên thang 5, các doanh nghiệp niềm yết trên thị trường chứng khoán có mức độ sẵn sàng cho việc vận dụng SMA cao hơn hẳn so với doanh nghiệp chưa niềm yết, điều này chứng tỏ các doanh nghiệp niềm yết có nhu cầu minh bạch thông tin càng cao thì mức độ sẵn sàng áp dụng các kỹ thuật của kế toán quản trị hiện đại càng cao.

4.2. Đánh giá độ tin cậy và giá trị của thang đo

Kết quả phân tích độ tin cậy và độ giá trị của thang đo được trình bày ở bảng 2. Kiểm định Cronbach's Alpha được tiến hành trên 6 thang đo với 22 biến quan sát, thu được kết quả cho thấy độ tin cậy của các thang đo đều thỏa mãn tiêu chuẩn Cronbach's Alpha từng thang đo > 0,6, hệ số tương quan biến - tổng > 0,3 (Giem & Gliem, 2003). Ngoại trừ biến NL5 của thang đo "Chất lượng nhân lực kế toán" có hệ số tương quan biến - tổng bằng 0,05, nhỏ hơn 0,3 nên bị loại khỏi mô hình. Vì vậy, còn lại 21 biến quan sát tiếp tục được đưa vào phân tích nhân tố khẳng định EFA. Kích thước mẫu nghiên cứu là 159 lớn hơn năm lần so với số lượng biến quan sát sử dụng trong nghiên cứu, do đó mẫu nghiên cứu phù hợp để thực hiện phân tích yếu tố khám phá (Chan & Idris, 2017)

Kết quả phân tích yếu tố khám phá (EFA) cho biến độc lập thông qua kiểm định Bartlett's và KMO cho thấy, kiểm định Bartlett's có giá trị là 1.321,028 với mức ý nghĩa Sig. bằng 0,000 (nhỏ hơn 0,05), bác bỏ giả thuyết các biến quan sát của biến độc lập không tương quan với nhau trong tổng thể. Như vậy, giả thuyết về mô hình nhân tố là không phù hợp sẽ bị bác bỏ. Điều này chứng tỏ dữ liệu dùng để nghiên cứu là hoàn toàn phù hợp. KMO có giá trị là 0,697 (lớn hơn 0,5), thỏa mãn $0,5 < KMO < 1$. Hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0,5. Phân tích EFA cho kết quả có 6 nhân tố được rút trích và các biến quan sát

Bảng 1: Nội dung thang đo các nhân tố đã điều chỉnh

Mã	Biến quan sát	Nguồn
1. Phân cấp quản lý		
PC1	Chỉ lãnh đạo hoặc trưởng các bộ phận mới là người đưa ra các quyết định quan trọng	(Anh, 2012); (Vân & Lan, 2020);(Doktoralina & Apollo, 2019)
PC2	Bất cứ quyết định quan trọng nào của nhân viên đều phải được sự chấp thuận từ lãnh đạo	
PC3	Nhân viên không thể tự đưa ra quyết định nếu không được phân quyền	
2. Chất lượng nguồn nhân lực kế toán		
NL1	Sự phù hợp với trình độ chuyên môn của KTV	(Anh, 2016);(Tortora et al., 2021); (Doktoralina & Apollo, 2019)
NL2	Kinh nghiệm công tác của nhân viên kế toán ở doanh nghiệp	
NL3	Hoạt động đào tạo và huấn luyện về chuyên môn kế toán được tổ chức thường xuyên	
NL4	Năng lực công nghệ thông tin của kế toán tại công ty	
NL5	Khả năng góp phần xây dựng chiến lược của nhân viên kế toán	
3. Trình độ công nghệ		
CN1	Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin vào hệ thống kế toán ở doanh nghiệp	(Anh, 2012); (Vân & Lan, 2020); (Tortora et al., 2021)
CN2	Mức độ chú trọng đầu tư phát triển công nghệ trong mọi hoạt động của doanh nghiệp	
CN3	Doanh nghiệp áp dụng công nghệ là nền tảng cho các kỹ thuật	
4. Chiến lược kinh doanh		
CL1	Chiến lược kinh doanh được xây dựng phù hợp với đặc điểm và mục tiêu của doanh nghiệp	(Anh, 2012); (Vân & Lan, 2020)
CL2	Chiến lược kinh doanh được xây dựng linh hoạt để ứng phó với biến động trong môi trường kinh doanh	
CL3	Chiến lược kinh doanh được phân tích cụ thể trước khi đưa vào áp dụng	
5. Văn hóa công ty		
VH1	Nhân viên nhận được sự hỗ trợ từ lãnh đạo	(Anh, 2012); (Soa et al., 2022)
VH2	Các phòng ban trong DN có sự hỗ trợ hoạt động lẫn nhau	
VH3	Các thành viên đều phấn đấu vì mục tiêu phát triển chung của DN	
6. Mức độ sẵn sàng vận dụng SMA		
SMA1	Nhà quản trị doanh nghiệp đã sẵn sàng tìm hiểu về những lợi ích và thách thức khi vận dụng các kỹ thuật của SMA	(Guerreiro et al., 2008); (Kareem et al., 2022)
SMA2	Doanh nghiệp đã sẵn sàng để thay đổi tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên phòng kế toán theo yêu cầu áp dụng các kỹ thuật của SMA	
SMA3	Doanh nghiệp sẵn sàng hỗ trợ công tác đào tạo nhân viên phòng kế toán để đáp ứng việc áp dụng các kỹ thuật của SMA	
SMA4	Doanh nghiệp đã sẵn sàng chuẩn bị hệ thống cơ sở vật chất và công nghệ để đáp ứng việc áp dụng các kỹ thuật của SMA	
SMA5	Doanh nghiệp sẵn sàng chuẩn bị nguồn lực tài chính để đáp ứng việc áp dụng các kỹ thuật của SMA.	

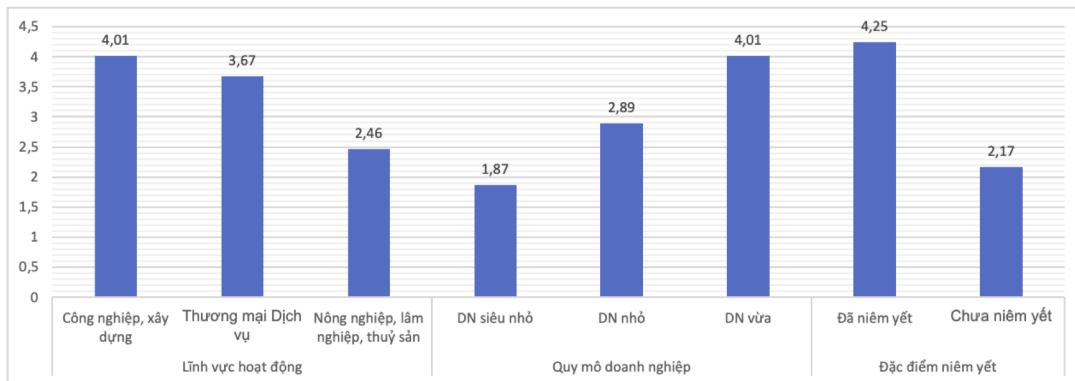
(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

trong các nhân tố vẫn giữ nguyên nên có thể kết luận phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA là phù hợp với nghiên cứu. Hệ số Eigenvalues của nhân tố thứ 8 có giá trị thấp nhất là 1,008 > 1 và tổng phương sai trích là 69,469% > 50%. Vì vậy, 6 nhân

tố với 20 biến quan sát thỏa mãn yêu cầu khi phân tích CFA.

4.3. Phân tích nhân tố khẳng định (CFA)

Mô hình nghiên cứu gồm 6 nhân tố và 21 biến quan sát sau khi thỏa mãn điều kiện phân tích EFA



Nguồn: Tác giả tự tính toán

Hình 2: Mức độ sẵn sàng áp dụng SMA của SMEs ở Hà Nội

Bảng 2. Kết quả kiểm định độ tin cậy và phân tích nhân tố khám phá EFA

Ký hiệu	Nhân tố						Cronbach's Alpha	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha khi loại biến
	PC	NL	CN	CL	VH	SMA			
PC1	0.813						0.803	0.812	0.683
PC2	0.677							0.804	0.809
PC3	0.709							0.807	0.801
NL1		0.712					0.786	0.786	0.626
NL2		0.743						0.794	0.669
NL3		0.756						0.801	0.801
NL4		0.720						0.775	0.629
CN1			0.598				0.814	0.806	0.806
CN2			0.805					0.809	0.766
CN3			0.813					0.719	0.807
CL1				0.863			0.752	0.696	0.786
CL2				0.818				0.769	0.869
CL3				0.807				0.807	0.737
VH1					0.805		0.761	0.812	0.746
VH2					0.802			0.804	0.729
VH3					0.808			0.805	0.817
SMA1						0.756	0.798	0.696	0.796
SMA2						0.792		0.764	0.969
SMA3						0.801		0.807	0.717
SMA4						0.689		0.676	0.806
SMA5						0.849		0.869	0.861

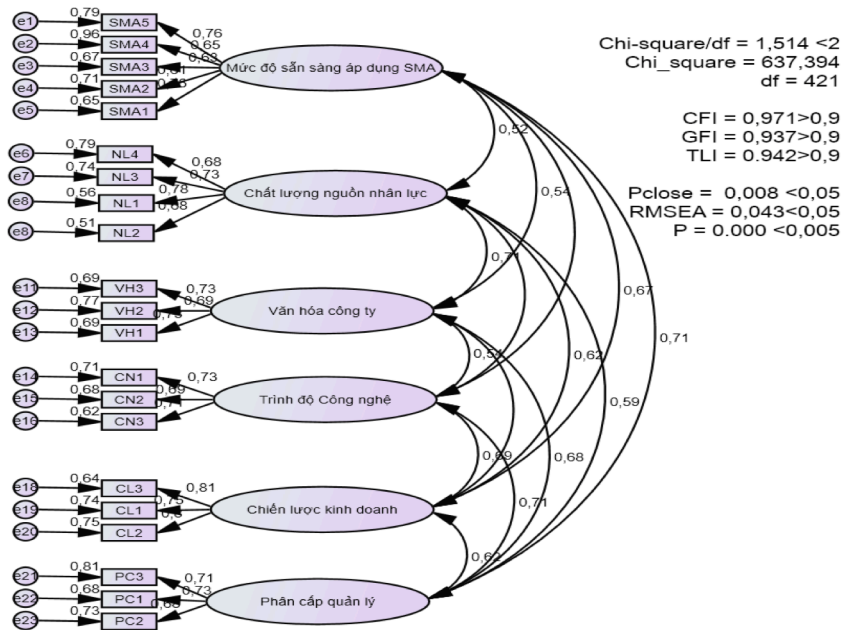
(Nguồn: Tác giả tự tính toán)

tiếp tục được đưa vào phân tích nhân tố khẳng định CFA. Phân tích nhân tố khẳng định lần đầu cho kết quả chỉ số CMIN/DF = 1,514 < 2; TLI = 0,942 > 0,9, CFI = 0,971 > 0,9; GFI = 0,937 > 0,9 và chỉ số RMSEA = 0,043 < 0,05. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình tối hạn đều đạt chỉ số đặt ra, do đó mô hình nghiên cứu có mức độ phù hợp với dữ liệu nghiên cứu cao. Kiểm định độ tin cậy và tính phân

biệt đều thỏa mãn yêu cầu. Ngoài ra, độ tin cậy, tính phân biệt, tính hội tụ của các thang đo trong mô hình nghiên cứu đều được đảm bảo.

4.4. Phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM)

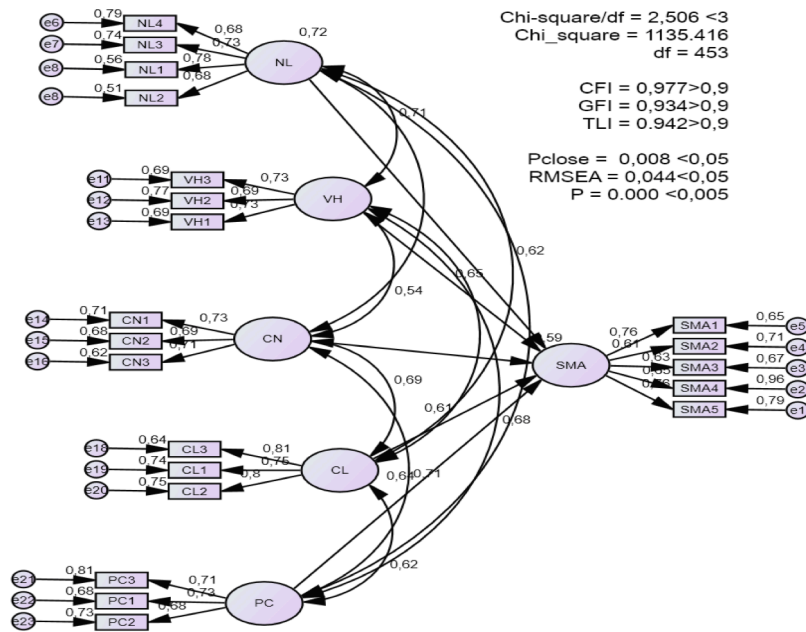
Qua phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính cho kết quả chỉ số chi-square = 1135.416 và bậc tự do df = 453, từ đó ta tính được tỷ số chi-square/df = 2,506



(Nguồn: Tác giả tự tính toán)

Hình 3: Kết quả phân tích nhân tố khẳng định CFA

< 3; ngoài ra còn các chỉ số TLI = 0,942 > 0,9; CFI = 0,977 > 0,9; GFI = 0,934 > 0,9; RMSEA = 0,044 < 0,05; P = 0,000. Như vậy có thể thấy sự phù hợp của mô hình nghiên cứu với dữ liệu đã thu thập được trên thực tế.



(Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán)

Hình 4: Phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM

Tiếp đến, chúng ta xem xét các giả thuyết về các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng vận dụng SMA ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Bảng 3 trình bày kết quả ước lượng mối quan hệ giữa các nhân tố trong mô hình.

Bảng 3: Kết quả ước lượng mối quan hệ giữa các nhân tố trong mô hình

Mối quan hệ			Hệ số β (chuẩn hóa)	S.E.	C.R.	P
SMA	←	PC	-0,027	0,049	-0,741	0,086
SMA	←	NL	0,287	0,045	5,369	***
SMA	←	CN	0,389	0,041	6,863	***
SMA	←	CL	0,181	0,052	2,829	0,005
SMA	←	VH	0,150	0,055	1,753	0,012

(Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán)

Kết quả phân tích cho thấy các biến NL, CN, CL, VH tác động cùng chiều đến mức độ sẵn sàng vận dụng SMA và có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 95% ($P < 0,05$). Các nhân tố tác động theo mức độ giảm dần như sau: Trình độ công nghệ, chất lượng nhân lực kế toán, chiến lược kinh doanh và văn hoá công ty. Bên cạnh đó nhân tố “Phân cấp quản lý” không tác động tới mức độ sẵn sàng vận dụng SMA do biến này có $P > 0,05$. Kết quả này có sự khác biệt với nghiên cứu của (Soa et al., 2022), về nhân tố văn hóa có tác động cùng chiều đến khả năng vận dụng SMA.

4.5. Kiểm định ước lượng mô hình nghiên cứu bằng Bootstrap

Thực hiện kiểm định Bootstrap sau khi kiểm tra mô hình SEM nhằm xác minh các thông số trong mô hình lý thuyết, đánh giá lại độ tin cậy của các ước lượng. Bootstrap là phương pháp lấy mẫu lặp lại và có thay đổi từ mẫu ban đầu. Sử dụng kích thước mẫu là 1000 để kiểm định Bootstrap cho nghiên cứu. Bảng 4 trình bày kết quả ước lượng mô hình bằng Bootstrap với $N = 1000$.

Bảng 4: Kết quả ước lượng mô hình bằng Bootstrap với $N = 1000$

Mối quan hệ			Bias	SE-Bias	CR
SMA	←	PC	-0,001	0,002	-0,500
SMA	←	NL	0,001	0,002	0,312
SMA	←	CN	0,002	0,003	1,014
SMA	←	CL	0,001	0,002	0,416
SMA	←	VH	-0,002	0,002	-0,519

(Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán)

Kết quả cho thấy các chỉ số CR có giá trị tuyệt đối đều không vượt quá 1,96 nên có thể đưa ra nhận định rằng độ lệch khác 0 không có ý nghĩa thống kê

ở độ tin cậy 95%. Như vậy, có thể kết luận rằng mô hình ước lượng là đáng tin cậy.

4.6. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Giá trị R^2 trong mô hình SEM có giá trị là 61,4% có nghĩa là biến các nhân tố ảnh hưởng giải thích

được 61,4% sự biến thiên của biến phụ thuộc SMA. $R^2 = 61,4\% > 50\%$ là tương đối cao nên các nhân tố được nhóm nghiên cứu lựa chọn có mức độ phù hợp và đặc trưng cho các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng áp dụng SMA của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Thành phố Hà Nội. Qua đó, nhóm nghiên cứu đã xác định được 4 nhân tố tác động đến mức độ sẵn sàng áp dụng SMA trong doanh nghiệp vừa và nhỏ lần lượt theo thứ tự sau:

Thứ nhất, nhân tố “Trình độ công nghệ” có tác động mạnh nhất đến mức độ sẵn sàng áp dụng SMA. Ngày nay, cùng với sự bùng nổ của cuộc cách mạng 4.0, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình sản xuất, quản lý kinh doanh của doanh nghiệp là điều tất yếu. Vì vậy, nếu doanh nghiệp có mức độ vận dụng công nghệ vào các hoạt động của doanh nghiệp cao thì doanh nghiệp càng sẵn sàng vận dụng SMA và vận dụng đạt hiệu quả cao. Do đó, thúc đẩy ứng dụng công nghệ vào hoạt động quản lý nhân sự và hoạt động kế toán nói riêng sẽ nâng cao hiệu quả và chất lượng thông tin được cung cấp cho

quá trình ra quyết định của nhà quản trị. Bên cạnh những lợi ích, thì nhà quản trị Doanh nghiệp cũng nên xem xét những rủi ro liên quan đến bảo mật

thông tin để lường trước những rủi ro có thể xảy ra.

Thứ hai, “Chất lượng nhân lực kế toán” có tác động mạnh thứ hai đến mức độ sẵn sàng áp dụng SMA. Các công cụ kỹ thuật của SMA cũng đã dần phổ biến và được các doanh nghiệp ứng dụng vào thực tiễn, giúp doanh nghiệp hướng đến yêu cầu mới của nền kinh tế số hóa về quản trị chiến lược, quản trị rủi ro, quản trị chuỗi giá trị. Để DN có thể áp dụng công cụ này thì yêu cầu tất yếu là đào tạo chất lượng nhân lực kế toán chuyên sâu về SMA. Chất lượng nguồn nhân lực kế toán tác động tích cực đến hiệu quả vận dụng SMA vào hoạt động quản lý.

Thứ ba, “Chiến lược kinh doanh” có tác động cùng chiều đến mức độ sẵn sàng áp dụng SMA vào thực tiễn. Để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, nhà quản lý doanh nghiệp cần thu thập nhiều thông tin quan trọng và phù hợp. Chính lúc này, vận dụng SMA sẽ giúp kế toán có thể đưa ra thông tin cần thiết đáp ứng nhu cầu của nhà quản lý. Vì vậy, đẩy nhanh quá trình ứng dụng SMA là cần thiết và xây dựng chiến lược kinh doanh càng chi tiết, càng khoa học, hợp lý thì quá trình ứng dụng các kỹ thuật của SMA vào thực tiễn càng thuận lợi hơn.

Thứ tư, “Văn hóa công ty” có tác động cùng chiều đến mức độ sẵn sàng áp dụng SMA vào thực tiễn. Vì vậy, việc xây dựng môi trường làm việc, văn hóa hỗ trợ của cấp trên, của các phòng ban trong công ty sẽ là điều kiện thuận lợi để ứng dụng các kỹ thuật của SMA vào thực tiễn doanh nghiệp. Do đó, xây dựng cấu trúc tổ chức rõ ràng, khả năng thích ứng cao của các bộ phận, chú trọng vào kết quả hơn là hình thức sẽ là nhân tố góp phần đẩy nhanh tốc độ và nâng cao hiệu quả của việc vận dụng các kỹ thuật của SMA.

5. Kết luận

Áp dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, nghiên cứu đã phân tích, đánh giá, đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bên trong doanh nghiệp đến mức độ sẵn sàng vận dụng SMA, đó là: Trình độ công nghệ, chất lượng nhân lực kế toán, chiến lược kinh doanh và văn hoá công ty, kết quả nghiên cứu phù hợp với kết quả của (Anh, 2012; Ma et al., 2022; Soa et al., 2022). Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện và thúc đẩy tiến trình vận dụng các kỹ thuật tiên tiến của SMA vào thực tiễn ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Thành phố Hà Nội trong tương lai. Tuy nhiên, nghiên cứu còn một số hạn chế như: mẫu nghiên cứu (chưa phủ đều và số lượng chưa nhiều), do đó kết quả nghiên cứu suy ra cho tổng thể có độ tin cậy chưa cao, mức độ các yếu tố trong mô hình nghiên cứu giải thích sự biến

động của mức độ sẵn sàng vận dụng SMA chưa cao, chứng tỏ còn có các yếu tố khác ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng vận dụng SMA nhưng chưa được đưa vào mô hình trong nghiên cứu này. Đây chính là những gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo trong tương lai. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Alamri, A. M. (2018). Strategic Management Accounting and the Dimensions of Competitive Advantage: Testing the Associations in Saudi Industrial Sector. *International Journal of Academic Research in Accounting, Finance and Management Sciences*, 8(2), 48-64.
2. Anh, D. N. P. (2016). Factors affecting the use and consequences of management accounting practices in a transitional economy: The case of Vietnam. *Journal of Economics and Development*, 18(1), 54-73.
3. Anh, Đ. N. P. (2012). Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng Kế toán quản trị chiến lược trong các doanh nghiệp Việt Nam. *Phát triển kinh tế*, 264, 9-15.
4. Aziz, M. A. (2012). *Strategic role of strategic management accounting towards enhancing SMEs performance in Iraq* Universiti Utara Malaysia.
5. Berthod, O. (2016). Institutional theory of organizations. *Global Encyclopedia of Public Administration, Public Policy, and Governance*, Springer International Publishing AG, 1-5.
6. Bromwich, M. (1990). The case for strategic management accounting: the role of accounting information for strategy in competitive markets. *Accounting, organizations and society*, 15 (1-2), 27-46.
7. Cescon, F., Costantini, A., & Grassetti, L. (2019). Strategic choices and strategic management accounting in large manufacturing firms. *Journal of Management and Governance*, 23(3), 605-636.
8. Chan, L. L., & Idris, N. (2017). Validity and reliability of the instrument using exploratory factor analysis and Cronbach's alpha. *International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences*, 7(10), 400-410.
9. Doktoralina, C., & Apollo, A. (2019). The contribution of strategic management accounting in supply chain outcomes and logistic firm profitability. *Uncertain Supply Chain Management*, 7(2), 145-156.
10. Gliem, J. A., & Gliem, R. R. (2003). Calculating, interpreting, and reporting Cronbach's alpha reliability coefficient for Likert-type scales.

11. Guerreiro, M. S., Rodrigues, L. L., & Craig, R. (2008). The preparedness of companies to adopt International Financial Reporting Standards: Portuguese evidence. *Accounting Forum*.
12. Huyen, C. T. (2022). Factors Affecting the Application of Strategic Management Accounting in Enterprises. *Turkish Journal of Computer and Mathematics Education (TURCOMAT)*, 13(2), 1111-1124.
13. Kalkhouran, A. A. N., Nedaei, B. H. N., & Rasid, S. Z. A. (2017). The indirect effect of strategic management accounting in the relationship between CEO characteristics and their networking activities, and company performance. *Journal of Accounting & Organizational Change*, 13(4), 471-491.
14. Kareem, H., Dauwed, M., Meri, A., & Aldujaili, A. A. (2022). Technology Readiness in SMEs: Accounting Information Systems, Knowledge Management Capabilities, and Innovation. *Journal of Advanced Sciences and Nanotechnology*, 1(3), 65-72.
15. Kreitz, C., & Weihrauch, K. (1985). Theory of representations. *Theoretical computer science*, 38, 35-53.
16. Lê, M. H., Trần, Thị Quan, Đỗ, Huyền Trang. (2020). Môi quan hệ của cạnh tranh, chiến lược, thông tin kế toán quản trị và kết quả hoạt động kinh doanh. *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, Số 274, 93-102.
17. Ma, L., Chen, X., Zhou, J., & Aldieri, L. (2022). Strategic Management Accounting in Small and Medium-Sized Enterprises in Emerging Countries and Markets: A Case Study from China. *Economies*, 10 (4), 74.
18. Mihaylova, L., & Papazov, E. (2022). Strategic management accounting in Bulgarian manufacturing SMEs. *Management: Journal of Contemporary Management Issues*, 27 (1), 309-321.
19. North, D. C. (1993). Institutions and credible commitment. *Journal of Institutional and Theoretical Economics (JITE)/Zeitschrift für die gesamte Staatswissenschaft*, 11-23.
20. Oyewo, B. (2022). Contextual factors moderating the impact of strategic management accounting on competitive advantage. *Journal of Applied Accounting Research*.
21. Polangi, S. A., & Santos Jr, E. M. D. (2013). Autonomous Muslim region's level of readiness on the implementation of Islamic accounting. *Asian Journal of Business & Governance*, 3, 21-37.
22. Santini, F. (2013). Strategic management accounting and financial performance in the small and medium sized Italian manufacturing enterprises. *Strategic Management Accounting and Financial Performance in the Small and Medium Sized Italian Manufacturing Enterprises*, 77-107.
23. Soa, N., Trang, D., & Hang, T. (2022). Factors affecting the implementation of Strategic Management Accounting (SMA): An Empirical evidence from medium-sized enterprises of Vietnam. *Accounting*, 8(3), 249-258.
24. Tortora, A. M., Maria, A., Iannone, R., & Pianese, C. (2021). A survey study on Industry 4.0 readiness level of Italian small and medium enterprises. *Procedia Computer Science*, 180, 744-753.
25. Turner, M. J., Way, S. A., Hodari, D., & Witteman, W. (2017). Hotel property performance: The role of strategic management accounting. *International Journal of Hospitality Management*, 63, 33-43.
26. Vân, T. H., & Lan, T. T. P. (2020). Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán quản trị chiến lược trong các doanh nghiệp Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính-Marketing*.
27. Weill, P., & Olson, M. H. (1989). An assessment of the contingency theory of management information systems. *Journal of management information systems*, 6 (1), 59-86.

Summary

This study was conducted to examine the impact of internal factors on the level of willingness to apply strategic management accounting (SMA) in small and medium enterprises (SMEs) in Hanoi. Based on the data collected from the answer sheets of 159 managers, the authors used analytical methods including: exploratory factor analysis (EFA), affirmative factor analysis. (CFA) and Linear Structural Model Analysis (SEM). Research results have shown that the level of willingness to apply strategic management accounting in small and medium enterprises in Hanoi depends on: Level of technology application, quality of accounting human resources, the company's business strategy and company culture. Since then, the research team has made recommendations to encourage SMEs to improve their ability to apply SMA in their operations in order to improve efficiency and increase their competitive advantage.